

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 02/3/2022 của Chính phủ về phát triển kinh tế khu vực biên giới đất liền

Thực hiện Công văn số 178/UBND-TH, ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh về giao nhiệm vụ xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP, ngày 02/3/2022 của Chính phủ về phát triển kinh tế khu vực biên giới đất liền, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. Công tác chỉ đạo, quán triệt triển khai Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 02/3/2022 của Chính phủ

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Công văn số 797/UBND-TH, ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về triển khai thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 02/3/2022 của Chính phủ về phát triển kinh tế khu vực biên giới đất liền, Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ của ngành được giao.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP, ngày 02/3/2022 của Chính phủ trong năm 2022

- Tốc độ tăng trưởng GRDP nông lâm thủy sản năm 2022 được 3,0%.
- Duy trì ổn định 17 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.
- Giá trị sản phẩm trồng trọt, thủy sản đạt 44 triệu đồng/ha.
- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 92%.
- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn được 2.064 người.
- Đã tích hợp các nội dung cần phải quy hoạch thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn vào Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.

- Đã xây dựng và tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, ngày 25/5/2022 quy định về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND, ngày 30/8/2022 về chính sách hỗ trợ xây dựng chuồng trại gia súc giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND, ngày 30/8/2022 quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025.

Cụ thể đối với từng nội dung nhiệm vụ như sau:

2.1. Về hoàn thiện cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với lợi thế cạnh tranh và yêu cầu thị trường

* Đối với lĩnh vực trồng trọt:

- Đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa với tổng diện tích 2.735,48ha. Trong đó, chuyển đổi sang cây trồng hàng năm 1.114,78ha; chuyển đổi sang cây trồng lâu năm 1.602,30ha; chuyển đổi sang kết hợp nuôi trồng thủy sản 18,40ha.

- Sử dụng hiệu quả trên 29.000ha đất trồng lúa, trên 30.000ha đất trồng ngô, ứng dụng giống mới, cho năng suất cao, có khả năng kháng một số loại sâu bệnh, áp dụng cơ giới hoá trong canh tác để giải phóng sức lao động, tăng năng suất cây trồng, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 296.345 tấn.

- Phát triển các cây công nghiệp, cây có giá trị kinh tế cao như cây Thuốc lá trồng được 3.293ha, năng suất đạt 26,01 tạ/ha, sản lượng 8.565 tấn; cây Mía trồng được 2.778ha, năng suất đạt 622 tạ/ha, sản lượng đạt 172.771 tấn; cây Thạch đen trồng được 611ha, năng suất đạt 56,9 tạ/ha, sản lượng đạt 3.477 tấn; cây Dong riềng trồng được 466ha, năng suất đạt 509,8 tạ/ha, sản lượng 23.769 tấn; cây Gừng trâu trồng được 179,5ha, năng suất đạt 170 tạ/ha, sản lượng 2.997,8 tấn.

- Phát triển các cây ăn quả có giá trị kinh tế cao như Cây Dẻ diện tích trồng hiện có 725,52ha; cây Lê diện tích trồng hiện có 461,7ha; cây Quýt diện tích trồng hiện có 289,47ha; cây Cam diện tích trồng hiện có 270,59ha; cây Mận diện tích trồng hiện có 280,89ha.

* Đối với lĩnh vực chăn nuôi:

- Tình hình phát triển chăn nuôi cơ bản ổn định. Do dịch bệnh được kiểm soát nên có một số loài vật nuôi tăng so với cùng kỳ năm 2021 như tổng đàn Trâu có 106.000 con (bằng 100,6%), đàn Bò có 107.000 con (bằng 102,2%), đàn lợn có 325.000 con (bằng 106,28%), đàn gia cầm có 3,05 triệu con (bằng 102,6%).

- Tiếp tục hỗ trợ 19 dự án đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi đã được UBND tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư. Trong đó, có Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tại huyện Quảng Hòa là dự án mang tính đột phá, trọng tâm, trọng điểm của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025 với quy mô 10.000 con, mở ra hướng tiếp cận, hướng đi mới trong việc thay đổi cơ cấu trong sản xuất chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Đến nay, dự án đã san lấp nền được khoảng 80%, lắp đặt hàng rào được 60%.

* Đối với lĩnh vực lâm nghiệp: Tập trung phát triển trồng rừng gỗ lớn và các loại cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao. Năm 2022, trồng rừng được 893,5ha; diện tích cây Hồi hiện có 7.538ha, cây Quế có 4.908ha, cây Mắc ca có 90ha, các loại cây dược liệu dưới tán rừng có 96,03ha.

* Đối với lĩnh vực thủy sản: Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 353,79ha. Trong đó, có 30,4ha nuôi kết hợp cá - lúa 1 vụ, còn lại là các ao nuôi truyền thống. Sản lượng thủy sản nuôi trồng được 483,5 tấn.

2.2. Về tổ chức các khâu quan trọng trong sản xuất nâng cao hiệu quả, bảo đảm phát triển bền vững

- Nghiên cứu và đưa vào sử dụng đại trà các loại giống mới, giống lai có năng suất cao, dễ thích nghi, có khả năng kháng được nhiều loại sâu bệnh. Các loại giống lúa, ngô mới như ĐS1, J01, TC26; vùng trồng lúa nếp đặc sản (Nếp Pì pát, Nếp ong...) đã được đưa vào sản xuất trên địa bàn một số huyện, thành phố cho kết quả tốt, được các doanh nghiệp thu mua và tiêu thụ ở thị trường trong và ngoài tỉnh (hiện nay tỷ lệ sử dụng giống ngô mới, ngô lai đạt 90%, lúa lai gần 50%; các giống mía chất lượng cao được đưa vào sản xuất, bước đầu có kết quả phấn khởi).

- Thực hiện chuyển dịch cơ cấu từ lao động thủ công sang sử dụng các loại máy móc vào sản xuất; cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp đang là một trong những giải pháp quan trọng đang được tập trung triển khai thực hiện. Một số mô hình, dự án chăn nuôi công nghiệp sử dụng hệ thống chuồng trại khép kín, quy mô công nghiệp sử dụng chuồng lồng, chuồng sàn, chuồng có hệ thống làm mát và sưởi ấm cho lợn con, hệ thống máng ăn, núm uống tự động đã được triển khai, tuy chiếm tỷ lệ không cao, song đã góp phần chuyển dịch dần cơ cấu ngành chăn nuôi sang hiện đại hoá, tự động hoá, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp.

- Đã triển khai các hoạt động áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, vận chuyển, truy xuất nguồn gốc nông sản, quảng bá thông tin sản phẩm; đăng ký bao bì, nhãn mác, thương hiệu sản phẩm. Các thông tin về nông sản được đăng tải tại các trang chợ điện tử, thu hút được sự quan tâm của người tiêu dùng. Các thông tin từ đầu vào và quá trình sản xuất đầu ra của sản phẩm theo chuỗi cũng được tích hợp trong mã phản hồi nhanh (QR code) in trên bao bì sản phẩm, người tiêu dùng có thể sử dụng ứng dụng quét mã phản hồi để biết các thông tin nguồn gốc sản phẩm.

- Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ nhằm phục tráng, bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý của địa phương, các loại cây trồng, vật nuôi đem lại kinh tế cao góp phần phát huy thế mạnh đặc trưng của tỉnh như cây Mận máu Bảo Lạc, cây Hạt dẻ Trùng Khánh, cá Bống thương phẩm, các loại thảo dược quý.

2.3. Về thúc đẩy hợp tác, liên kết phát triển chuỗi giá trị, các mô hình nông nghiệp tiên tiến, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

Thông qua thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG đã triển khai 41 Kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; trong đó, có 04 kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; 37 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (*thành phố Cao Bằng 10 dự án, huyện Hạ Lang 3 dự án, huyện Quảng Hòa 7 dự án, huyện Bảo Lạc 4 dự án, huyện Nguyên Bình 5 dự án, huyện Thạch An 3 dự án, huyện Hà Quảng 5 dự án*). Triển khai 11 Kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*huyện Trùng Khánh 03 kế hoạch, huyện Bảo Lâm 01 kế hoạch, huyện Hạ Lang 03 kế hoạch, Huyện Thạch An 02 kế hoạch, huyện Quảng Hòa 02 kế hoạch*). Triển khai kế hoạch, dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 05 kế hoạch liên kết

theo chuỗi giá trị, trong đó 03 kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị đã được thẩm định (*Thành Phố, Trùng Khánh, Thạch An*), còn 02 kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị đang lấy ý kiến của hội đồng thẩm định (*Hạ Lang, Bảo Lạc*).

- Tiếp tục duy trì 58 sản phẩm của 43 chủ thể đã được công nhận đạt sản phẩm OCOP cấp tỉnh (55 sản phẩm được xếp hạng 3 sao và 03 sản phẩm xếp hạng 4 sao). Hiện đang chuẩn bị đánh giá, công nhận thêm 40 sản phẩm OCOP.

2.4. Về phát triển kinh tế nông thôn tạo việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn

Năm 2022, thành lập mới được 26 hợp tác xã nông nghiệp, nâng tổng số hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp lên 149 hợp tác xã. Hình thành mới 17 tổ hợp tác với 132 tổ viên, chủ yếu là hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; 596 nhóm sở thích với 7.986 thành viên tham gia đang hoạt động trên địa bàn 30 xã. Hiện nay, có 01 liên hiệp hợp tác xã được hình thành từ 09 hợp tác xã với 66 lao động làm việc thường xuyên.

2.5. Về xây dựng nông thôn mới

Năm 2022, tổng huy động nguồn lực trực tiếp cho thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới là 6.432.747,1 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước 1.796.491 triệu đồng, gồm:

+ Vốn đầu tư phát triển 1.785.131 triệu đồng, bao gồm 1.635.541 triệu đồng nguồn ngân sách Trung ương (*từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 223.690 triệu đồng, lồng ghép từ Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi 1.411.851 triệu đồng*); nguồn ngân sách địa phương 149.590 triệu đồng.

+ Vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương 11.360 triệu đồng.

- Vốn tín dụng 4.607.000 triệu đồng.

- Huy động từ cộng đồng dân cư được 28.556,1 triệu đồng (*3.370,6 triệu đồng tiền mặt và 25.185,5 triệu đồng quy đổi từ hiện vật thành tiền*).

- Huy động khác được 700 triệu đồng từ Quỹ xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, huyện.

2.6. Về Chương trình bố trí ổn định dân cư

Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 2984/KH-UBND, ngày 14/11/2022 thực hiện Chương trình bố trí dân cư tỉnh Cao Bằng năm 2022 và giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, năm 2022 thực hiện hỗ trợ bố trí ổn định cho 128 hộ (*gồm 40 hộ di dân vùng biên giới, 88 hộ di dân vùng thiên tai*); tuy nhiên, chưa được bố trí vốn để thực hiện. Hiện nay, đang tiếp tục xây dựng dự thảo Nghị Quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ Bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

2.7. Về đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã góp phần tăng năng suất lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn hướng tới giảm nghèo bền vững và đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy liên kết sản xuất, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, góp phần thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới. Năm 2022, đã thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn được 2.064 người (65 lớp) với tổng kinh phí 7.258,626 triệu đồng từ nguồn vốn các chương trình MTQG.

2.8. Về thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

Căn cứ Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP, ngày 15/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2022 - 2025, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Kế hoạch số 2456/KH-SNN, ngày 03/11/2022 về chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

3. Phương hướng thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP, ngày 02/3/2022 của Chính phủ trong năm 2023

3.1. Mục tiêu cụ thể của ngành nông nghiệp

- Tổng sản phẩm (GRDP) nông lâm ngư nghiệp tăng trưởng 3,1%.
- Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 46 triệu đồng.
- Tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 57,83 %.
- Phấn đấu thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới.
- Tỷ lệ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt 93%.
- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn 2.150 người.

3.2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

- Tiếp tục truyền truyền, quán triệt; rà soát bổ sung nội dung chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 23/NQ-CP, ngày 02/3/2022 của Chính phủ.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành mới các chính sách phù hợp với điều kiện của tỉnh và đúng với quy định của pháp luật.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đảm bảo đáp ứng cho thực hiện sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, kỹ thuật tiên tiến.

- Tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng tiếp tục thu hút, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, kỹ thuật tiên tiến, tập trung, quy mô lớn tạo thành hàng hoá; thực hiện liên kết từ đầu tư sản xuất cho đến bao tiêu sản phẩm bảo đảm chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ bền vững.

- Tiếp tục hỗ trợ thành lập các hợp tác xã; củng cố hoạt động các hợp tác xã trung bình, yếu kém; hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho các hợp tác xã.

- Từng bước thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nông nghiệp. Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã quảng bá các sản phẩm nông sản trên các trang thương mại điện tử.

Trên đây là báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 02/3/2022 của Chính phủ về phát triển kinh tế khu vực biên giới đất liền của Sở Nông nghiệp và PTNT, kính gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, KHTC (Tuyên).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thái Hà